**I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ LÀM KẾ HOẠCH**

Căn cứ vào chỉ thị số /CT-SĐ ngày /3/2023 của phó Sư đoàn trưởng.

Căn cứ vào chỉ lệnh số /CL-PTM ngày / /2023 của Chủ nhiệm thông tin Sư đoàn.

Căn cứ vào nội dung giao nhiệm vụ PCTT- TKCN số /NV-BCH ngày …/3/2023 của BCH PCTT- TKCN Sư đoàn năm 2023.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình nhiệm vụ, biên chế về lực lượng PTTT của Tiểu đoàn.

**II. KẾT LUẬN ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÁC MẶT ẢNH HƯỞNG ĐẾN THÔNG TIN LIÊN LẠC**

**1. Tình hình chung**

Những năm gần đây tình hình thiên tai mưa, bão diễn biến hết sức phức tạp. Trên địa bàn Sư đoàn đảm nhiệm PCTT-TKCN năm 2023 mặc dù chưa xẩy ra lũ lụt lớn xong thời tiết diễn biến hết sức phức tạp. Đòi hỏi lược lượng thông tin phải chẩn bị nhiều phương án PCTT-TKCN khi tình huống xẩy ra.

**2. Tình hình ta**

Sư đoàn thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN trên địa bàn gồm 5 tỉnh, TTLL phải tổ chức nhiều phương án, bố trí nhiều lược lượng phương tiện khí tà.TTLL phải triển khai trong thời gian gấp, địa bàn không quen thuộc, khó khăn cho việc triển khai thông tin HTĐ.

**3. Tình hình địa bàn thời tiết**

Địa hình nơi đơn vị thực hiện nhiệm vụ là địa hình trung du và đồng bằng, nhiều sông lớn, đường xá phất triển,nhiều nhà cao tầng, thông tin quân sự địa phương còn hạn chế, chủ yếu dựa vào thông tin bưu điện.Thời tiết mưa gió, bão lũ gây khó khăn cho việc triển khai bao đảm thông tin nhất là thông tin VTĐ

**4**. **Các khu vực đơn vị bảo đảm**

- Huyện Lục ngạn, Sơn Động - Tỉnh Bắc Giang.

- TP Bắc Ninh, huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh.

- Huyện Thuận Thành\_ Gia Bình\_ Lương Tài- Tỉnh Bắc Ninh.

- Huyện Thanh Hà- Tỉnh Hải Dương.

- Huyện Văn Giang-Tỉnh Hưng Yên.

- Huyện Hữu Lũng, TP Lạng Sơn- Tỉnh Lạng Sơn.

**III. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI, BẢO ĐẢM TTLL CỦA TIỂU ĐOÀN**

1. Duy trì và đảm bảo mạng thông tin liên lạc tại SCH thường xuyên của Sư đoàn thông suốt phục vụ sẵn sàng chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ của đơn vị tại vị trí đóng quân.

2. Tổ chức bảo đảm thông tin liên lạc cho Sư đoàn chỉ huy các lực lượng cơ động tham gia thực hiện các nhiệm vụ theo các phương án của Sư đoàn.

3. Bảo đảm cho Sư đoàn liên lạc với trên, hiệp đồng với địa phương, Quân khu 1,3, các đơn vị bạn trong khu vực đảm nhiệm.

4. Bảo đảm chuyển nhận kịp thời các tín hiệu TBBĐ.

5. Bảo đảm TTLL chỉ huy chỉ đạo công tác HC-KT.

**IV. SỬ DỤNG, BỒ TRÍ TRIỂN KHAI LƯỢC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**PHẦN I: HỆ THỐNG TTLL CỐ ĐỊNH:**

**1. Tổng trạm TT, trạm TT:**

- T4SCHtx/f tại Kép Hai ( 64.66.9) huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang hoạt động 24/24h.

**2. Tổ chức các đường LL VTĐ, HTĐ, QB bảo đảm cho chỉ huy, hiệp đồng,TBBĐ:**

**a. Liên lạc VTĐ:**

***\* LL với trên:***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 1 của quân đoàn với f325 LL báo bằng m¸y VRU-611 ngày 8 phiên/ ngày (07.00-10.00-12.30-14.40- 16.00- 18.30- 20.00- 21.40) Theo quy ước LLtx.

- Đặt máy tham gia mạng số 10 của sở CHtx/qđ với f325,TQS,Lu 203,lu 164, lu 673, bằng m¸y XD-D18 liên lạc thoại 24/24 giờ theo quy ước LLtx.

- Hướng định giờ (VC) số 10,15,16 của SCH tx quân đoàn với eBB95, eBB18, eBB101, LL báo bằng m¸y VRU 611 ngày 4 phiên. (06.30, 09.40, 17.00, 21.15) chế độ liên lạc báo + thoại theo quy ước thường xuyên.

\* Trung đoàn nào trực chiến thì làm việc với quân đoàn theo hướng vượt cấp trên ( Lấy quy ước eBB 95)

- Đặt máy tham gia mạng số 11 TBBĐ của SCHtx/qđ: 24/24 giờ.

- Đặt máy tham gia mạng số 12 canh của SCHtx /qđ: 24/24 giờ.

- Đặt máy tham gia mạng số 13,14 VTĐ scn của SCHtx /qđ với các đơn vị: 24/24 giờ

***\* LL với dưới:***

- Triển khai máy tham gia Hướng định giờ số 1,2,3 của SCHtx/f325 với eBB 18 bằng máy VRU 611: 3 phiên/ ngày ( 07.30 – 14.00 – 22.00),với eBB95 (08.00 – 15.00), với eBB101 ( 09.00 – 12.00 - 16.00) theo quy ước LLtx.

- Triển khai máy tham gia Mạng số 4 VTĐscn của SCHtx/f325 với 3 eBB : 24/24h.

- Triển khai máy tham gia Mạng số 5 VTĐscn của SCHtx/f325 với các TDPK 3eBB + d16 : 24/24h.

**b. Liên lạc HTĐ:**

- Liên lạc 24/24, tăng cường tuần tra các tuyến cáp, đặc biệt là tuyến cáp đi eBB18, eBB95. Kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Tăng cường nhân viên trực trên tổng trạm TT những đồng chí có trình độ chuyên môn giỏi.

**c. Liên lạc QB:**

\* Duy trì bảo đảm nghiêm túc, tổ chức giao nhận chặt chẽ, tăng cường lực lượng đi hướng, khi có công văn tổ chức chuyển kịp thời.

**PHẦN II: CƠ ĐỘNG, TRIỂN KHAI BẢO ĐẢM TTLL PCTT-TKCN Ở CÁC KHU VỰC:**

**A – TRIỂN KHAI CÁC TỔNG TRẠM, TRẠM TT:**

**1. Tại khu vực huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang**

- T4SCHtx/f tại Kép Hai (64. 66. 9) hoạt động 24/24h

**2. Tại khu vực huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang**

- T4SCHcđ/eBB18 tại: UBND TT An Châu

- T4SCHdb/eBB18 tại: Gốc Thâu/Cẩm Đàn

- T4SCHcđ/f tại: UBND TT An Châu

**3. Tại khu vực huyện Văn Giang – tỉnh Hưng Yên**

- T4SCHcđ/eBB18 tại: UBND xã Xuân Quang/Văn Giang/Hưng Yên

- T4SCHdb/eBB18 tại: Trườn THCS TT Văn Giang/Hưng Yên

- T4SCHcđ/f tại: UBND xã Xuân Quang/Văn Giang/Hưng Yên

**4. Tại khu vực huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn**

**-** T4SCH/f tại : Ga Sông Hoá- Chi L¨ng (84.56.6)

**-** T4SCHdb/f tại : BCHQS tp Lạng Sơn (Phường Chi Lăng) (94.62.1), BCHQS Cao Lộc

**5. Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh**

- T4SCH/f tại: UBND Ph­êng Khóc Xuyªn - thành Phố Bắc Ninh(42.08.9).

**6. Tại khu vực huyện Quế Võ - Bắc Ninh:**

- T4SCH/f tại: UBND x· Bằng An- H.Quế Võ-BN (40.20.1).

- T4SCH/e101 tại: UBND x· QuÕ T©n – H.Quế Võ-BN (40.22.4).

**7. Tại khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành - tỉnh Bắc Ninh**:

- T4SCHct/f tại: Thôn Trung Thành- Đại La- H.Gia Bình- Bắc Ninh (32.24.9).

- T4SCHdb/f tại: §ång V¨n - H. ThuËn Thµnh- Bắc Ninh (30.10.8).

- T4SCHdb/f tại: Trung Kªnh - H.L­¬ng Tµi - Bắc Ninh (26.34.1).

**8.Tại khu vực huyện thanh Hà - Hải Dương :**

- T4SCH/f +eBB18 tại : Lai Xá- Thanh Thuỷ- Thanh Hà-HD (08.50.1)

**B. TRIỂN KHAI CÁC ĐƯỜNG TT**

**1. Tại khu vực Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang**

**a. Thông tin VTĐ:**

***Tại T4SCHtx/f.***

- Hướng số 1 SCHtx/f LL với SCHcđ/e18 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Hướng số 2 SCHtx/f LL với d14 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Hướng số 3 SCHtx/f LL với d16 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- VC số 4 SCHtx/f LL với dBB8, cTT bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

**b. Thông tin HTĐ**:

Tận dụng mạng thông tin bưu điện để LL khi điều kiện cho phép (Số máy của điện thoại Bưu điện của tổng đài Sư đoàn: 0240.3882.256).

**2. Tại khu vực huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang**

**a. Thông tin VTĐ:**

***+ Liên lạc với trên:***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 1 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 1 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ. Các đơn vị được phép LL khi cần thiết

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia Hướng định giờ số 1 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Triển khai máy tham gia Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các dBB9/eBB18 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại.

**b. Thông tin HTĐ:**

***+ Tại SCHcđ/f:***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương

- Dự kiến triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến eBB18

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBT/f)

**c. Thông tin QB:**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**d. Thông tin TH:**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**3. Tại khu vực huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên**

**a. Thông tin VTĐ:**

***+ Liên lạc với trên:***

- Đặt máy tham gia liên lạc hướng định giờ số 1 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt khai máy tham gia liên lạc mạng số 1 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt khai máy tham gia liên lạc mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Khi liên lạc gặp khó khăn đặt máy tham gia liên lạc Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ.

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các dBB7/eBB18 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại.

**b. Thông tin HTĐ:**

***+ Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương

- Dự kiến triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến eBB18

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBT/f)

**c. Thông tin QB:**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**d. Thông tin TH:**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**4. Tại khu vực khu vực huyện Hữu Lũng - tỉnh Lạng Sơn**.

**a. Thông tin VTĐ:**

***+ Liên lạc với trên:***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 1 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB95 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 1 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB95 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB95 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB95 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Khi liên lạc gặp khó khăn đặt máy tham gia liên lạc Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 SCHtx/f với SCHcđ/f bằng VRU-611, LL thoại USB- báo CW ngày 2 phiên.

- Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB95 và BCHQS Huyện (dk) bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3/f (số 3/qđ) xuống các c14,15,16,17/eBB95 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại.

**b. Thông tin HTĐ:**

***+ Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Dự kiến triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB95.

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBT/f)

**c. Thông tin QB:** Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**d. Thông tin TH:** Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**5. Tại khu vực thành Phố Bắc Ninh.**

**a. Thông tin VTĐ:**

***+ Liên lạc với trên***:

- Đặt máyVRU- 812 tham gia mạng số 1 của BTTM (Gồm SCHcđ/f101, TQS, Lữ164 và TCCH/qđ, LL chế độ thoại 24/24h.

- Vượt cấp số 2 của SCHcđ/qđ xuống các dBB3, cTT18/eBB101 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Mạng canh số 10 VTĐsn tại SCHtx/qđ và số 11 VTĐscn tại SCHcđ/qđ

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB101 và BCHQS TP Bắc Ninh (dk) bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3 của SCHcđ/f( VC số 2/qđ) xuống các dBB/eBB101 bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc cấp số 4 của SCHcđ/f xuống các c Trực thuộc/eBB101 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

**b. Thông tin HTĐ:**

***+ Tại SCHcđ/f*** .

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan BCHQS địa phương

- Triển khai 1 đường dây đến eBB101

- Triển khai đường dây đến các d14, d15, d16, d17/f

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBT/f)

**c. Thông tin QB:** Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**d. Thông tin TH:** Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**6. Tại khu vực huyên Quế Võ- Bắc Ninh**

**a. Thông tin VTĐ:**

***+ Liên lạc với trên***:

- Đặt máyVRU- 812 tham gia mạng số 5 của BTTM (Gồm SCHcđ/f325, Lữ164, 203 và TCCH/qđ- H.Quế Võ), LL chế độ thoại 24/24h.

- VC số 6/qđ xuống e101, d14,15,16,17 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h

- Mạng canh số 10 VTĐsn tại SCHtx/qđ và số 11 VTĐscn tại SCHcđ/qđ

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng số 2 của SCHcđ/f( VC số 6/qđ)với e101,d14, d15, d16, d17 (các đơn vị tự bảo đảm máy) bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3 của SCHcđ/f xuống các dBB1,2,3/eBB101 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 4 của SCHcđ/f xuống các c Trực thuộc/eBB101 bằng máy VRP-811A, LL chế độ thoại 24/24h.

**b. Thông tin HTĐ:**

***+ Tại SCHcđ/f*** .

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan BCHQS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB101

- Triển khai đường dây đến các d14, d15, d16, d17/f

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBT/f)

**c. Thông tin QB:**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**d. Thông tin TH:**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**7. Tại khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành – tỉnh Bắc Ninh.**

**a. Thông tin VTĐ:**

***+ Liên lạc với trên***:

- Đặt máy VRU-611 tham gia mạng số 1 của SCHcđ/qđ tại Gia Bình với SCHcđ/f325,L219 và dk TCCH/qđ, LL chế độ thoại USB + báo CW Giờ LL: đầu giờ lẻ (07.00- 23.00) sẵn sàng LL 24/24 giờ.

- Đặt máy VRU-812 tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ tại Gia Bình với SCHcđ/f325,L219 và dk TCCH/qđ, LL chế độ thoại 24/24h

- Quân đoàn tổ chức mạng TBBĐ tại SCHtx

- Quân đoàn tổ chức mạng canh số 6 VTĐsn và số 7 VTĐscn.

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên ( 09.00, 16.00)

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB95 và BCHQS huyện Gia Bình bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3 của SCHcđ/f xuống các SCH/eBB95 ở các huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận Thành bằng máy VRU-611 chế độ thoại USB 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 4 của f (số 3/qđ) xuống dBB5/e95 (Gia Bình) bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h

**b. Thông tin HTĐ:**

**+ *Tại SCHcđ/f (Gia Bình):***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan BCHQS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB95(Gia Bình)

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (Gia Bình): CH/f, Cq/f, TBTC/f.

**c. Thông tin QB:** Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**d. Thông tin TH:** Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**8. Tại khu vực huyện Thanh Hà- tỉnh Hải Dương:**

**a. Thông tin VTĐ:**

***+ Liên lạc với trên:***

- Đặt máy tham gia hướng định giờ số 1 SCHtx/qđ với SCHtx/f325, f306, e203,e219, eBB18 bằng máy VRU-611, LL chế độ Báo + thoại. (Theo QW thường xuyên)

- Đặt máy tham gia mạng số 1 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-611 LL chế độ thoại USB- báo CW. Giờ LL: f325 (06.00- 13.00) eBB18 (07.00- 14.00).

- Đặt máy tham gia mạng số 2 của SCHcđ/qđ với SCHcđ/f325, SCHcđ/eBB18 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h.

- Khi liên lạc gặp khó khăn đặt máy tham gia Mạng canh số 21 VTĐsn tại SCHtx/qđ.

***+ Liên lạc với dưới:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Hướng định giờ số 1 của SCHcđ/f với SCHtx/f bằng VRU-611, LL thoại USB+báo CW ngày 2 phiên ( 09.00, 16.00)

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng số 2 của SCHcđ/f với SCHcđ/eBB18 và BCHQS huyện Thanh Hà bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 3 của SCHcđ/f xuống các SCH/eBB18 ở các huyện Thanh Hà, Nam Sách, Chí Linh bằng máy VRU-611 chế độ thoại USB 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Vượt cấp số 4 của f (VC số 10/qđ) xuống dBB8/e18 (Thanh Hà) bằng máy VRU-812, LL chế độ thoại 24/24h

***+ Liên lạc hiệp đồng:***

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng HĐ số 1 của Quân khu 3 bằng máy VRU-611, LL báo - thoại ngày 3 phiên. Sẵn sàng LL 24/24h.

- Triển khai máy tham gia liên lạc Mạng HĐ số 2 của Quân Khu 3 bằng máy VRU-812, LL thoại 24/24h

**b. Thông tin HTĐ:**

**+ *Tại SCHcđ/f***

- Triển khai trạm tổng đài nhân công 20 số.

- Triển khai 1 đường dây đến bưu điện địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến cơ quan QS địa phương.

- Triển khai 1 đường dây đến eBB101

- Triển khai 1 đường dây đến các d14,d15,d16, d17/f.

- Triển khai các máy nội bộ của Sư đoàn (CH/f, CQ/f, TBT/f)

**c. Thông tin QB:**

Theo lịch ngày 3 chuyến (07.00-10.00-15.00)

**d. Thông tin TH:**

Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**V. CÁC BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI GIỮ VỮNG TTLL**

- Tăng cường tuần tra canh gác bảo vệ các trạm, tuyến thông tin trọng yếu, bảo đảm hệ thống TTLL thông suốt trong mọi tình huống, chống các hành vi phá hoại hệ thống thông tin của đơn vị.

- Tổ chức tăng phiên ca hợp lý, tăng người và phương tiện thông tin để giữ vững thông tin liên lạc trong mọi tình huống. Tập trung đảm bảo cho hướng các đơn vị làm nhiệm vụ của phương án.

- Kiểm tra thường xuyên hệ số kỹ thuật khí tài thông tin, tổ chức bảo quản, bảo dưỡng đúng đủ theo quy định, có biện pháp chống ẩm ướt cho các phương tiện làm việc ngoài trời.

- Kết hợp chặt chẽ giữa các phương tiện thông tin để đảm bảo TTLL thông suốt, duy trì tốt chế độ canh trực. Thường xuyên kiểm tra kỷ luật thông tin liên tục tránh lộ bí mật, nói rõ trên máy.

- Giáo dục tinh thần, ý thức cảnh giác, ý thức kỷ luật đối với CBCS thông tin toàn Sư đoàn.

- Các phương tiện, khí tài thông tin phải có Ni lông để che, bọc máy, tổ hợp, tài liệu.

- Khi cơ động phaỉ bảo đảm ít nhất có 3 nguồn cho máy VTĐ và máy phát điện quay tay.

- Củng cố tốt dây máy, qua trình triển khai VTĐ phải triệt để tận dụng địa hình địa vật để mắc cao, thường xuyên kiểm tra củng cố giữ vững liên lạc. Hiệp đồng với bưu điện địa phương để bảo đảm liên lạc khi cần thiết.

**VI. NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÔNG TIN THUỘC QUYỀN**

**1 -Tại khu vực huyện Lục Ngạn – Bắc Giang**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 05đ/c (VTĐscn = 5 đ/c). Phương tiện : máy VRU-812= 02 bộ, VRP- 811= 01 bộ; có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Đại đội 2 quân số = 5 đ/c

- Duy trì mạng Thông tin hiện hành và tận dụng mạng TT bưu điện để LL khi điều kiện cho phép (số máy điện thoại bưu điện của tổng đài Sư đoàn 0240.3882.256*)*

**2 -Tại khu vực huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang**

***a- Đại đội 1:***

-Quân số = 04 đ/c (VTĐsn = 02 đ/c, VTĐscn = 02 đ/c). Phương tiện : Máy VRU-611= 03 bộ, máy VRP-811A= 05 bộ có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 05 đ/c ( HTĐ = 05 đ/c). Phương tiện : Máy ĐTnc = 6 chiếc , máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 04 km bộ có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**3 -Tại khu vực huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 02đ/c ( VTĐsn= 01 đ/c, VTĐscn= 01 đ/c). Phương tiện : Máy VRU-611= 03 bộ, máy VRU-812= 07 bộ, visat mang vác=01 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB101 và các lực lượng tăng cường làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 07 đ/c. Phương tiện : Máy ĐTnc = 10, máy ĐT*tđ* = 04, T/đài 20 số = 01, dây = 08 km có nhiệm vụ bảo đảm TTLL bằng phương tiện HTĐ cho sư đoàn chỉ huy eBB101 và các lực lượng tăng cường làm nhiệm vụ PCTT và tìm kiếm cứu nạn như sau:

***c -aTTQB:***

- Quân số = 1đ/c ( QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**4 -Tại khu vực Thành Phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 03 đ/c ( VTĐsn = 02 đ/c, VTĐscn = 01 đ/c). Phương tiện : Máy VRU-611 = 03 bộ, máy VRU-812 = 04 bộ, Visat= 01 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB101 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 06 đ/c,( HTĐ = 4 đ/c, VTĐscn = 02 đ/c). Phương tiện : Máy ĐTnc =06 chiếc , máy ĐTtđ= 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây= 04 km có nhiệm vụ bảo đảm TTLL bằng phương tiện HTĐ cho sư đoàn chỉ huy eBB101 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**5 - Tại khu vực huyện Gia Bình– Lương Tài– Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 03 đ/c ( VTĐsn = 02đ/c, VTĐscn = 01 đ/c); Phương tiện : Máy VRU-611 = 04 bộ, máy VRU-812 = 03 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB95 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 06 đ/c, (HTĐ = 04đ/c, VTĐscn = 02 đ/c). Phương tiện : Máy ĐTnc = 09 chiếc , máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 08 km, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB95 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**6-Tại khu vực huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương**

***a- Đại đội 1:***

- Quân số = 3 đ/c (VTĐsn = 02 đ/c,). Phương tiện : Máy VRU-611= 05 bộ, máy VRP-811= 02 bộ, VRU-812= 02 bộ có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 06 đ/c (HTĐ = 6 đ/c). Phương tiện: Máy ĐTnc = 06 chiếc, máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 04 km có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**7 -Tại khu vực huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên**

***a- Đại đội 1:***

*-* Quân số = 03 đ/c (VTĐsn = 04 đ/c, VTĐscn = 04 đ/c). Phương tiện : máy VRU-611= 03 máy, Máy VRU-812= 01 bộ,VRP-811A= 04 bộ, có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 06 đ/c ( HTĐ = 05 đ/c). Phương tiện : Máy ĐTnc = 06 chiếc , máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 06 km có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp

**8 -Tại khu vực huyện Hữu Lũng –T.p Lạng Sơn- tỉnh Lạng Sơn.**

***a- Đại đội 1:***

Quân số = 03 đ/c (VTĐsn = 02 đ/c, VTĐscn = 01 đ/c). Phương tiện : Máy VRU-611= 03 bộ, máy VRU-812= 01, VRP-811ª=03 bộ có nhiệm vụ triển khai hệ thống TT VTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***b- Đại đội 2:***

- Quân số = 06 đ/c (VTĐsn = 04 đ/c, VTĐscn = 02 đ/c).. Phương tiện : Máy ĐTnc = 06 chiếc , máy ĐTtđ = 01 chiếc, T/đài 20 số = 01 chiếc, dây = 04 km bộ nhiệm vụ triển khai hệ thống TT HTĐ bảo đảm cho Sư đoàn chỉ huy eBB18 và các đơn vị trực thuộc của Trung đoàn làm nhiệm vụ PCTT và TKCN.

***c -aTTQB:***

Quân số = 1đ/c (QB = 1đ/c)

*- Thông tin quân bưu*: Theo lịch ngày 3 chuyến ( 07. 00 – 10.00-15.00)

*- Thông tin TH:* Thực hiện thu phát tín hiệu theo hiệp đồng.

**VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH VỀ HIỆP ĐỒNG, BẢO ĐẢM**

- Nhận tài liệu, quy ước, khí tài bổ sung tại tiểu đoàn trước khi đi làm nhiệm vụ.

- Tổ chức triển khai thông tin đồng loạt tại các đơn vị.Tiểu đoàn bảo đảm kéo dây đên đầu mối các đơn vị trong sư đoàn và tiến hành bàn giao.

**VIII. TỔ CHỨC CHỈ HUY**

**1.Vị trí chỉ huy**

- VTCHtx Tiểu đoàn 18 tại thị chấn Chũ (64.66.8)

- VTCH/d khi bảo đảm TTLL theo các phương án tại khu vực trùng với SCH của f cụ thể như sau:

- Tại khu vực Quế Võ – Bắc Ninh SCH/f : Bằng An- Quế Võ- Bắc Ninh (40.20.1)

- Khu vực huyện Gia Bình, Lương Tài, Thuận thành – Bắc Ninh SCH/f thôn Trung Thành - Đại La - Gia Bình - Bắc Ninh (32.24. 9)

- Tại khu vực huyện Thanh Hà - Hải Dương SCH/f Tại Lai Xã- Thanh Thủy Thanh Hà- Hải Dương (08.50.1)

- Khu vực tỉnh Hưng Yên SCH/f, Trường THCS/ TT Văn Giang- Hưng Yên ( 16.94.4).

- Khu vực huyện Thanh Trì -TP Hà Nội SCH/f tại Trường THCS Tả Thanh Oai (16.84.7).

- Khu vực tỉnh Lạng Sơn SCH/f) tại Ga sông Hóa- Chi Lăng (84.56.6).

- Khu vực huyện Sơn Động ( Bắc Giang ) tại Dốc Lẩy- Cẩm Đàn (63.82.7).

**2. Phân công chỉ huy**

- Chỉ huy lực lượng chống dột, chống sập tại trạm nước của sư đoàn và phòng, chống thiên tai và TKCN tại đơn vị: Đ/c Tiểu đoàn trưởng.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại vị trí đóng quân thường xuyên đ/c Tiểu đoàn trưởng.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Quế Võ – Bắc Ninh: đ/c bt/b4/c2.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Thành phố– Bắc Ninh: đ/c ct/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Lương Tài – Gia Bình – Thuận Thành; đ/c bt/b1/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Thanh Hà - Hải Dương : đ/c bt/b2/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực Văn Giang Hưng Yên : đ/c bt/b5/c2.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực huyện Sơn Động Bắc Giang: đ/c bt/b3/c1.

- Chỉ huy triển khai HTTT tại khu vực huyện Hữu Lũng, TP Lạng Sơn tỉnh Lạng Sơn : đ/c cp/c2.

**IX. CÁC MỐC THỜI GIAN**

1. Thời gian xây dựng kế hoạch TTLL xong trước: ngày 10/4/2023

2. Giao nhiệm vu cho cho các đơn vị: ngày 10/4/2023

3. Thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị: ngày 15/4/2023

4. Từ ngày 01/5/2023 sẵn sàng cơ động lực lượng, phương tiện thông tin đi thực hiện nhiệm vụ.

5. Báo cáo tình hình TTLL hàng ngày từ 14.00 – 14.30 về TBTT/f.

**X. CÁC PHỤ LỤC**

- Phân chia sử dụng lược lượng.

- Lịch vận hành thông tin quân bưu.

|  |
| --- |
| **TIỂU ĐOÀN TRƯỞNG**  **Đại úy Nghiêm Đức Cảnh** |

**PHÂN CHIA SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN**

**KHI ĐỒNG THỜI XẢY RA TRÊN CÁC ĐỊA BÀN**

| **Đơn vị** | **Nhiệm vụ triển khai** | **Thời gian** | | | **VTĐ** | | | | | **HTĐ** | | | | | **MÁY NỔ** | **QB** | | **QUÂN SỐ** | | | | **CHỈ HUY** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hành quân** | **Triển khai** | **H. thành** | **XD- D9B1** | **VRU 611** | **M. Thu** | **VRU 812** | **VRP 811A** | **TĐ 20 số** | **MĐT nc** | **MĐT tđ** | **Dây (km)** | **VISAT** | **Xe đạp** | **SPH** | **+** | **SQ** | **CN** | **HSQ**  **- CS** |
| c1 | Lục ngan-Bắc Giang |  |  |  |  |  |  | 2 | 01 |  |  |  |  |  |  |  |  | 5 | 1 | 1 | 3 | Nguyễn Văn Dũng |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  |  | 5 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **+** |  |  |  |  |  |  | **2** | **01** |  |  |  |  |  |  |  |  | **10** | **1** | **1** | **8** |  |
| c1 | Sơn Động- Bắc Giang |  |  |  |  | 3 |  |  | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1 |  | 3 | Phạm Văn Đạt |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 4 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  |  | **5** | **1** | **6** | **1** | **4** |  |  |  | **2** | **10** | **1** |  | **9** |  |
| c1 | Quế Võ- Bắc Ninh |  |  |  |  | 3 |  | 7 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 2 | 1 |  | 1 | Hồ Hồng Phong |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 10 | 4 | 8 |  |  |  |  | 7 | 1 | 1 | 5 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **7** |  | **1** | **10** | **4** | **8** | **1** |  |  | **2** | **10** | **1** | **1** | **7** |  |
| c1 | T.p- Bắc Ninh |  |  |  |  | 3 |  | 4 |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  | 3 |  |  | 3 | Phạm Văn Dương |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 4 |  |  |  |  | 6 | 1 | 2 | 3 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **4** |  | **1** | **6** | **1** | **4** | **1** | **1** |  |  | **10** | **1** | **2** | **7** |  |
| c1 | G.Bình, L.Tài, T.Thành |  |  |  |  | 4 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 1 |  | 2 | Nguyễn Viết Hùng |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 9 | 1 | 8 |  |  |  |  | 6 |  | 1 | 5 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **4** |  | **3** |  | **1** | **9** | **1** | **8** |  |  |  |  | **10** | **1** | **1** | **8** |  |
| c1 | Thanh Hà- Hải Dương |  |  |  |  | 5 |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 3 | 1 |  | 2 | Đỗ Anh Tuyền |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 4 |  |  |  |  | 6 |  | 2 | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **5** |  | **2** |  | **1** | **6** | **1** | **4** |  | **1** |  | **2** | **10** | **1** | **2** | **7** |  |
| c1 | Văn Giang-Hưng Yên |  |  |  |  | 3 |  | 1 | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  | 8 | 1 | 2 | 5 | Võ Đức Mạnh |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 6 |  |  |  |  | 5 | 1 |  | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **1** | **4** | **1** | **6** | **1** | **6** |  |  |  | **2** | **14** | **2** | **2** | **10** |  |
| c1 | Hữu Lũng- Tp. Lạng Sơn |  |  |  |  | 3 |  | 1 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |  | 3 | Phan Đình Nam |  |
| c2 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 4 |  |  |  |  | 6 | 1 | 1 | 4 |  |
| QB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |
| **+** |  |  |  |  | **3** |  | **1** | **3** | **1** | **7** | **1** | **6** |  |  |  | **2** | **10** | **1** | **1** | **8** |  |

SƯ ĐOÀN 325 **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TIỂU ĐOÀN 18 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TĐ *Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của dTT18**

**SƯ ĐOÀN TRƯỞNG**

*Căn cứ vào kế hoạch số /KH – PTM ngày /03/2023 của PTM Sư đoàn về công tác phòng,chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023;*

*Căn cứ vào đặc điểm tình hình nhiệm vụ của Tiểu đoàn;*

*Theo đề nghị của Chủ nhiệm thông tin Sư đoàn và Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 18;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch số /KH-TĐ ngày tháng 4 năm 2023 của Tiểu đoàn 18 về việc bảo đảm TTLL phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023.

**Điều 2.** Đồng chí Chủ nhiệm thông tin Sư đoàn và Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 18chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban TT/PTM;  - C1, C2;  - Lưu TĐ. K06. | **TL. SƯ ĐOÀN TRƯỞNG**  **KT. THAM MƯU TRƯỞNG**  **PHÓ THAM MƯU TRƯỞNG** |